

Thông số kỹ thuật các dòng biến tần

Đặc tính kỹ thuật		KOC200	KOC550	SK300
Điện áp & Công suất	Vào 1P220VAC Ra 3P220VAC	0.4 - 2.2 KW	0.4 - 75KW	0.4 - 2.2 KW
	Vào 3P220VAC Ra 3P220VAC		2.2 - 75KW	0.75 - 400KW
	Vào 1P220VAC Ra 3P380VAC		0.4 - 15KW	
	Vào 3P380VAC Ra 3P380VAC	0.4 - 7.5KW	0.4 - 550KW	0.75 - 400KW
Đặc tính kỹ thuật	Chế độ điều khiển	V/F	Vertor vòng hở, Vertor vòng kín, V/F	V/F, SVC
	Động cơ	Động cơ không đồng bộ	Động cơ không đồng bộ Động cơ đồng bộ	Động cơ không đồng bộ
	Động phân giải tốc độ	1:100		1:100
	Sai số tốc độ	±0.5%		
	Momen khởi động	150% 3Hz	150% 0.25Hz	
	Khả năng quá tải	60s với 100% dòng định mức	60s với 150% dòng định mức, 3s với 180% dòng định mức	Tải nặng: 150% trong 60s, 180% trong 10s Tải nhẹ: 120% trong 60s, 150% trong 10s
	Tích hợp truyền thông	Modbus RS485		
Chức năng điều khiển	Nguồn tham chiếu tốc độ điều khiển	Bàn phím, ngõ vào Analog, ngõ vào xung tần số cao (HDI), đa cấp tốc độ, chu trình PLC đơn giản, PID, truyền thông Modbus RS485,...		
	Chức năng bảo vệ biến tần và động cơ	35 chức năng bảo vệ		37 chức năng bảo vệ
	Tự động ổn định điện áp đầu ra	Tự động giữ điện áp ngõ ra ổn định khi điện áp nguồn đầu vào dao động		
	Bắt tốc độ		>0.75KW	Có
Giao diện ngoại vi	Đầu vào Analog	1	2	2
	Đầu ra Analog	1		
	Đầu vào Digital	5	5 (1 đầu vào nhận xung tốc độ cao)	
	Đầu ra Digital	1		
	Đầu ra Relay	1	2 ngõ (1 ngõ chuyển thành xung tần số cao)	1
Thông số khác	Cách lắp đặt	Tủ điện, đứng trên sàn hoặc xuyên vách		
	Nhiệt độ môi trường	-10 ~ +40°C		
	Làm mát	Tự làm mát bằng quạt tản nhiệt		
	Bộ điều khiển thắng (Braking Unit)	Tích hợp sẵn ≤7.5 KW	Tích hợp sẵn ≤37 KW	
	Điện trở thắng	Lựa chọn theo công suất biến tần và tính chất của tải		
	Keypad	Keypad cố định hoặc kéo rời tùy chọn		

KOC550

BIẾN TẦN ĐA NĂNG THẾ HỆ MỚI



Mô tả sản phẩm

Dòng biến tần KOC550 là biến tần đa năng thế hệ mới. Với công suất đa dạng từ 0,4kW đến 550kW, KOC550 giúp tối ưu hóa hoạt động và tiết kiệm năng lượng vượt trội. Biến tần KOC550 được trang bị công nghệ điều khiển hiện đại, có khả năng điều chỉnh tốc độ chính xác và vận hành ổn định ngay cả trong môi trường khắc nghiệt.

Ứng dụng

Với công nghệ và chức năng tiên tiến, KOC550 có khả năng chạy cho hầu hết các tải nặng dùng động cơ đồng bộ ngay cả các động cơ servo đồng bộ như các máy nén khí, máy ép nhựa, cầu trục, máy ép, máy đóng gói, máy mài, máy tráng, dệt kim tròn, dệt kim bằng, máy đan dây, máy điều khắc, máy dệt bao, máy in bao bì, trục xả cuộn,...

Thông số kỹ thuật

- Chế độ điều khiển động cơ: Điều khiển V/F, Điều khiển vector vòng hở, vòng kín.
- Dải điều chỉnh tần số: Từ 0 ~ 320Hz khi chạy chế độ Vector, từ 0 – 3200Hz khi chạy chế độ V/F.
- Cổng tín hiệu đầu vào: 5 cổng đầu vào số (1 cổng đầu vào xung tốc độ cao), 2 cổng đầu vào analog (AI).
- Tích hợp DBU đến 37KW.
- Cổng tín hiệu đầu ra: 1 cổng đầu ra số, 1 đầu ra Relay, 1 đầu ra analog, 1 đầu ra xung tốc độ cao lên tới 100kHz.
- Hỗ trợ Card PG chạy cho vòng kín
- Hỗ trợ chuẩn truyền thông Modbus RS485.
- Bàn phím 2 hàng cố định hoặc bàn phím kéo rời tùy chọn.
- Sai số điều chỉnh tốc độ là $\pm 0,5\%$ (SVC).
- Đầy đủ các chức năng như: Đa cấp tốc độ, công tắc ngoài, chiết áp ngoài, chạy truyền thông RS485, chức năng bảo vệ động cơ và biến tần,...
- Khả năng chịu quá tải: 60s cho 150% dòng định mức, 3s cho 180% dòng định mức.



Biến tần điện áp **3P380V - 3P380V**

Công suất tải nặng (KW)	Công suất tải nhẹ (KW)	Mã sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều sâu (mm)
0.75	1.5	KOC550-R75G/1R5PT4-B	185.6	125	171
1.5	2.2	KOC550-1R5G/2R2PT4-B	185.6	125	171
2.2	4.0	KOC550-2R2G/004PT4-B	185.6	125	171
4.0	5.5	KOC550-004G/5R5PT4-B	185.6	125	171
5.5	7.5	KOC550-5R5G/7R5PT4-B	185.6	125	171
7.5	11	KOC550-7R5G/011PT4-B	248	161	192
11	15	KOC550-011G/015PT4-B	248	161	192
15	18	KOC550-015G/018PT4-B	322	208	202
18	22	KOC550-018G/022PT4-B	322	208	202
22	30	KOC550-022G/030PT4-B	322	208	202
30	37	KOC550-030G/037PT4-B	360	225	235
37	45	KOC550-037G/045PT4-B	360	225	235
45	55	KOC550-045G/055PT4	560	290	304
55	75	KOC550-055G/075PT4	560	290	304
75	90	KOC550-075G/090PT4	650	380	295
90	110	KOC550-090G/110PT4	650	380	295
110	132	KOC550-110G/132PT4	650	380	295
132	160	KOC550-132G/160PT4	700	400	337
160	185	KOC550-160G/185PT4	700	400	337
185	200	KOC550-185G/200PT4	929	579	386
200	220	KOC550-200G/220PT4	1060	650	386
220	250	KOC550-220G/250PT4	1060	650	386
250	280	KOC550-250G/280PT4	1060	650	386
280	315	KOC550-280G/315PT4	1060	650	386
315	355	KOC550-315G/355PT4	1359	800	403
355	400	KOC550-355G/400PT4	1359	800	403
400	450	KOC550-400G/450PT4	1359	800	403
450	500	KOC550-450G/500PT4	1100	850	358
500	550	KOC550-500G/550PT4	1100	850	358
550	600	KOC550-550G/600PT4	1100	850	358



Biến tần điện áp 220V

Điện áp	Công suất (KW)	Mã sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều sâu (mm)
Vào 1P220 V ra 3P220 V	0.75	KOC550-R75GS2-B	186	125	171
	1.5	KOC550-1R5GS2-B	186	125	171
	2.2	KOC550-2R2GS2-B	186	125	171
	4.0	KOC550-004GS2-B	186	125	171
	5.5	KOC550-5R5GS2-B	248	161	192
	7.5	KOC550-7R5GS2-B	322	208	201.9
	11	KOC550-011GS2-B	322	208	201.9
	15	KOC550-015GS2-B	360	225	240
	18	KOC550-018GS2-B	360	225	240
	22	KOC550-022GS2	560	290	304
	30	KOC550-030GS2	560	290	304
	37	KOC550-037GS2	650	380	295
	45	KOC550-045GS2	650	380	295
	55	KOC550-055GS2	700	400	337
	75	KOC550-075GS2	700	400	337
Vào 1P220 V ra 3P380 V	0.75	KOC550-R75GT3-B	186	125	171
	1.5	KOC550-1R5GT3-B	186	125	171
	2.2	KOC550-2R2GT3-B	186	125	171
	4.0	KOC550-004GT3-B	248	161	192
	5.5	KOC550-5R5GT3-B	248	161	192
	7.5	KOC550-7R5GT3-B	322	208	202
	11	KOC550-011GT3-B	322	208	202
	15	KOC550-015GT3-B	322	208	202